

Số: /KH-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin;
- Luật An toàn thông tin mạng;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.
- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định (Khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 5362/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động

của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định, phiên bản 1.0.

- Quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định (phiên bản 2.0).

- Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 01/CT-BTTTT ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về định hướng phát triển ngành Thông tin và Truyền thông năm 2023 và giai đoạn 2024-2025;

- Công văn số 5406/BTTTT-CĐSQG ngày 03/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2023;

- Thông báo số 58/TB-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh về nội dung cuộc họp Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bình Định;

- Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 17/TTr-STTTT ngày 03/3/2023.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đổi mới căn bản và toàn diện công tác chỉ đạo, điều hành; tập trung nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng; xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống xã hội và sự hài lòng của người dân trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu năm 2023

2.1.1. Phát triển chính quyền số

- 100% các sở, ngành, địa phương triển khai các cơ sở dữ liệu trong Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bình Định ban hành tại Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 40% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 70% đối với cấp tỉnh, 60% đối với cấp huyện, 55% đối với cấp xã; trên 55% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.

- 80% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

- Trên 70% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

2.1.2. Phát triển kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP trên 10%.

- Trên 30% các doanh nghiệp nhỏ và vừa (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) thường xuyên sử dụng các nền tảng số.

- Trên 70% các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh chấp nhận thanh toán học phí, thanh toán dịch vụ y tế bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Thu hút khoảng 1.500 chuyên gia, lao động làm việc tại Khu Công viên phần mềm Quang Trung – Bình Định.

2.1.3. Phát triển xã hội số

- Hạ tầng băng rộng cáp quang phủ trên 85% hộ gia đình, 100% xã.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và điện thoại thông minh.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 30%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức khác trên 75%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%.

- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử trên 80%.

2.2. Mục tiêu đến năm 2025

2.2.1. Phát triển chính quyền số

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước.

- Duy trì 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 60% dịch vụ

công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, trên 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.

- 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

- Trên 85% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

2.2.2. Phát triển kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP trên 20%.

- Trên 50% các doanh nghiệp nhỏ và vừa (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) thường xuyên sử dụng các nền tảng số.

- Trên 85% các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh chấp nhận thanh toán học phí, thanh toán dịch vụ y tế bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Thu hút khoảng 2.000 chuyên gia, lao động làm việc tại Khu Công viên phần mềm Quang Trung – Bình Định.

2.2.3. Phát triển xã hội số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 95% hộ gia đình, 100% xã.

- Từng bước phát triển mạng 5G (ưu tiên phủ sóng tại các khu, cụm công nghiệp, khu vực trung tâm huyện thị xã, thành phố, khu du lịch, bệnh viện, trường học).

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 50%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức khác trên 85%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 80%.

- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử trên 90%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, nhằm nâng cao nhận thức của người dân, toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số; thúc đẩy

sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số, cụ thể:

- Tổ chức Hội nghị quán triệt nhiệm vụ chuyển đổi số; tổ chức hoạt động Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh hướng dẫn triển khai chuyển đổi số trên quy mô toàn tỉnh.

- Tổ chức truyền thông, lan tỏa sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác chuyển đổi số, các nền tảng số, công nghệ số trên các chuyên trang, chuyên mục, kênh thông tin của Báo Bình Định, Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Định; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Trung tâm Văn hóa, Thông tin - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố và Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn; trên các Trang/Cổng thông tin điện tử tổng hợp, các trang mạng xã hội Facebook, Zalo OA... của cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về mua sắm trực tuyến tại các sàn thương mại điện tử Việt Nam; khuyến khích đoàn viên, người lao động các cơ quan, đơn vị, địa phương đặt mua các sản phẩm OCOP Bình Định cũng như đặt mua sản phẩm của các tỉnh bạn trên sàn thương mại điện tử.

2. Rà soát, hoàn chỉnh các cơ chế, chính sách về chuyển đổi số

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành quy chế, quy định thay thế các quy chế, quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh để phù hợp cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

3. Tiếp tục đầu tư hạ tầng chuyển đổi số

- Triển khai mở rộng phủ sóng mạng viễn thông 4G toàn tỉnh phục vụ phát triển xã hội số; thúc đẩy phát triển hạ tầng băng rộng cố định đảm bảo đến các thôn, làng. Phủ sóng kết nối mạng băng thông rộng ở các vùng lõm. Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông thí điểm triển khai mạng thông tin di động 5G.

- Tiếp tục duy trì, kết nối đồng bộ mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh đến 100% UBND cấp xã; đảm bảo chất lượng, an toàn, bảo mật, phục vụ trao đổi, chia sẻ dữ liệu và ứng dụng giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Phát triển hạ tầng chuyển đổi số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây quy mô cấp tỉnh để tổ chức triển khai và quản trị tập trung các hệ thống cơ sở dữ liệu của các cấp, các ngành, tạo điều kiện thuận lợi phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở và dịch vụ số của tỉnh.

4. Tập trung xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở dữ liệu

- Xây dựng, nâng cấp các hệ thống cơ sở dữ liệu số của các ngành, trong đó ưu tiên sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; phát triển dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên

Công dữ liệu mở tỉnh Bình Định (<https://opendata.binhdingh.gov.vn>) tạo điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Xây dựng hệ thống Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh, tích hợp đầy đủ các dữ liệu về kinh tế, tài chính, đầu tư, tài nguyên đất, giá, dịch vụ... của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của tỉnh.

- Kết nối, chia sẻ thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh từ Hệ thống thông tin Đăng ký doanh nghiệp Quốc gia.

5. Thực hiện duy trì, nâng cấp, phát triển các nền tảng, hệ thống cho phát triển Chính quyền số

- Duy trì và hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); vận hành, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh được kết nối, liên thông qua LGSP: Hệ thống Văn phòng điện tử, Hệ thống dịch vụ công, một cửa điện tử. Tiếp tục thực hiện kết nối, khai thác thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia (dân cư, đất đai, tài chính, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội), phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng, phát triển các nền tảng, hệ thống phục vụ cho phát triển Chính quyền số: Hệ thống quản lý công việc; Hệ thống thông tin báo cáo; Hệ thống phòng họp không giấy; Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tỉnh; Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh; Hệ thống quản lý đất đai; Hệ thống quản lý công tác đầu tư công của tỉnh; Hệ thống quản lý ngành Tài chính...

- Xây dựng, phát triển các nền tảng, hệ thống phục vụ cho phát triển kinh tế số, xã hội số: Hệ thống bản đồ số dùng chung; Hệ thống quản lý khoáng sản; Hệ thống quản lý thông tin trường học; Hệ thống EMR – Bệnh án điện tử; Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai; Nền tảng địa chỉ số tích hợp bản đồ số; Triển khai Cổng thông tin du lịch; Hệ thống camera các điểm du lịch; Kết nối, chia sẻ thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh từ Hệ thống thông tin Đăng ký doanh nghiệp Quốc gia...

- Triển khai các giải pháp tích hợp, nâng cấp hệ thống phần mềm của Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Bình Định (IOC Bình Định) với các hệ thống phần mềm khác của tỉnh có sử dụng dữ liệu quốc gia về dân cư để thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và ban hành chính sách phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh.

- Tiếp tục triển khai Nền tảng họp trực tuyến thế hệ mới Make in Việt Nam (Gomeet) trên địa bàn tỉnh.

6. Đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số cho lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; trong đó chú trọng bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Cử nhân sự chuyên trách/phụ trách an toàn thông tin tham gia các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng xử lý các mối nguy hại của mã độc, kỹ năng về an toàn thông tin.

- Triển khai trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp (qua Tổ công nghệ số cộng đồng) để ứng dụng vào hoạt động sản xuất, giao dịch trực tuyến.

- Phối hợp với các Trường đại học, các doanh nghiệp công nghệ thông tin lớn tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao, chuyên sâu về công nghệ thông tin cho công chức, viên chức của tỉnh; trong đó chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số tạo nền tảng cho việc thực hiện chuyển đổi số hướng tới xây dựng Chính quyền số.

- Tiếp tục duy trì cơ chế hỗ trợ kinh phí cho đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia xây dựng, phát triển chính quyền số.

7. An toàn thông tin mạng

- Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống mã độc đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính quyền số và đô thị thông minh của tỉnh. Duy trì Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC - Security Operation Center).

- Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng. Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng; tổ chức ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh.

- Hướng dẫn xác định, phân loại và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ của 100% các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý; triển khai các phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin.

- Tổ chức diễn tập thực chiến đối với hệ thống thông tin của tỉnh; chiến dịch làm sạch mã độc trên không gian mạng năm 2023.

8. Phát triển Chính quyền số

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hình thành Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh.

- Thực hiện công tác số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước mức độ toàn trình đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Thực hiện nghiêm việc ứng dụng văn phòng điện tử, chữ ký số; thực hiện gửi, nhận văn bản và xử lý công việc trên môi trường điện tử tại các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức triển khai sử dụng chữ ký số cá nhân để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đảm bảo giá trị pháp lý của các văn bản điện tử như: hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục điện tử, bệnh án điện tử... Tích hợp chữ ký số vào Cổng dịch vụ công để người dân, doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng.

- Đầu tư hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh để đảm bảo kết nối, tổ chức quản lý đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Hướng dẫn, đôn đốc, giám sát các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số sử dụng vốn ngân sách nhà nước tại các sở, ban, ngành, địa phương.

9. Phát triển Kinh tế số

- Triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh.

- Triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển giao công nghệ số, kích thích sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp phát triển công nghệ số, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục- đào tạo thuộc phạm vi quản lý. Vận động, khuyến khích các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán, các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các hình thức miễn, giảm phí, khuyến mãi, giảm giá,... đối với khách hàng khi sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

- Phối hợp với các doanh nghiệp phát triển nền tảng thương mại điện tử và nền tảng địa chỉ số để đẩy mạnh triển khai kế hoạch rà soát, lựa chọn các hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, tổ hợp tác (gọi tắt là hộ sản xuất nông nghiệp) tham gia sàn thương mại điện tử nhằm kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác xúc tiến, thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin vào Khu Công viên phần mềm Quang Trung - Bình Định và thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

10. Phát triển Xã hội số

- Xây dựng, duy trì Chuyên trang chuyển đổi số tỉnh Bình Định, đảm bảo truy cập thuận tiện, công khai thông tin tới mọi người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương. Thực hiện các hoạt động ra quân hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số (Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Thanh toán không dùng tiền mặt; Mua bán, tiếp thị trên sàn thương mại điện tử Việt Nam; kích hoạt, sử dụng ứng dụng VNeID; sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử; sử dụng các nền tảng của đô thị thông minh...).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho các sở, ngành, địa phương; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia; Nguồn đầu tư của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo đối với các nội dung khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền (nếu có).

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình quá trình thực hiện các dự án, nhiệm vụ theo Kế hoạch.

- Thực hiện các nhiệm vụ chủ trì theo Kế hoạch đã phân công.

- Chủ trì đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Văn phòng UBND tỉnh

- Là đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh đẩy mạnh việc triển khai sử dụng dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến/Một cửa điện tử của tỉnh.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông giám sát tình hình quá trình thực hiện các dự án, nhiệm vụ theo Kế hoạch.

- Thực hiện các nhiệm vụ chủ trì theo Kế hoạch đã phân công.

3. Sở Tài chính

- Tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí chi thường xuyên để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của ngành. Thực hiện các nhiệm vụ chủ trì theo Kế hoạch đã phân công.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư để triển khai các dự án đầu tư công của Kế hoạch theo quy định.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Định

Bám sát chủ trương của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch trung gian thanh toán và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai chuyển đổi số, thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch trong năm 2023, định hướng đến năm 2025.

6. Tỉnh đoàn Bình Định

Chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch hoạt động chuyển đổi số trong tổ chức Đoàn các cấp. Tổ chức triển khai cho Đoàn thanh niên đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn người dân đăng ký, kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh mức độ 2 trên ứng dụng VNEID và các hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng.

7. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, xây dựng Kế hoạch

chuyển đổi số cụ thể để triển khai tại đơn vị, địa phương mình; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đúng mục tiêu và tiến độ đề ra.

- Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu triển khai các phần mềm ứng dụng dùng chung, dịch vụ công trực tuyến/một cửa điện tử đã được triển khai.

- Tăng cường triển khai sử dụng dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại cơ quan, đơn vị mình. Thực hiện việc cập nhật thông tin giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh, theo dõi và xử lý trách nhiệm đối với các cán bộ, công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính trễ hạn.

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến của cơ quan, đơn vị mình.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí ngân sách thực hiện số hóa dữ liệu đồng bộ với việc triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Đồng thời, chỉ đạo UBND cấp xã trên địa bàn tăng cường ứng dụng, sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin, chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục nhiệm vụ, dự án đề xuất triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2023 kèm theo Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2023, định hướng đến năm 2025, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện.

Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ TTTT (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ Chuyển đổi số tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K9.

CHỦ TỊCH

Phạm Anh Tuấn

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu/Lý do đề xuất	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Nhận thức số				
1.1	Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các nghị quyết, chủ trương, chính sách về chuyển đổi số	Nâng cao nhận thức của người dân, toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP; Các cơ quan báo, đài	Thường xuyên
1.2	Xây dựng Chuyên trang thông tin chuyển đổi số tỉnh Bình Định	Truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; đảm bảo chỉ tiêu về nhận thức số theo Quyết định 922/QĐ-BTTTT 20/5/2022 của Bộ TT&TT	Sở TT&TT		Quý I/2023
2	Thể chế số				
2.1	Ban hành Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh phát động phong trào thi đua về thực hiện chuyển đổi số tỉnh đến năm 2030	Căn cứ Quyết định 749/QĐ-TTg và Quyết định số 942/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Tỉnh ủy Bình Định	Sở TT&TT		Quý II/2023
2.2	Ban hành Bộ chỉ số (KPI) đô thị thông minh tỉnh Bình Định.	Giám sát được quá trình xây dựng đô thị thông minh đảm bảo mục tiêu đã đặt ra và hỗ trợ chính quyền ra quyết định trong công tác quản lý đô thị	Sở TT&TT		Quý II/2023

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu/Lý do đề xuất	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện
2.3	Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chỉ số DTI của các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh	Xác định DTI cấp sở, cấp huyện để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan kết quả thực hiện chuyển đổi số hằng năm của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Tỉnh ủy	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP	Quý II/2023
3	Hạ tầng số				
3.1	Phủ sóng mạng 4G toàn tỉnh phục vụ phát triển xã hội số. Phát triển hạ tầng băng rộng cố định cáp quang đến các thôn bản. Triển khai thí điểm mạng thông tin di động 5G.	Phát triển hạ tầng số, thúc đẩy các dịch vụ IoT, M2M. Triển khai băng rộng di động đến các thôn, bản trên địa bàn tỉnh. Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.	Sở TT&TT	Các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2023
3.2	Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh thống nhất, đồng bộ trên địa bàn tỉnh.	Phục vụ trao đổi, chia sẻ dữ liệu và ứng dụng giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước.	Sở TT&TT	Cục Bưu điện TW; Các doanh nghiệp viễn thông	Quý I/2023
3.3	Phát triển hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây quy mô cấp tỉnh	Phục vụ triển khai và quản trị tập trung các cơ sở dữ liệu của các cấp, các ngành của Tỉnh	Sở TT&TT; Các doanh nghiệp viễn thông		Quý II/2023
4	Xây dựng dữ liệu số, nền tảng số, phát triển Chính quyền số				

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu/Lý do đề xuất	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện
4.1	Hệ thống thông tin quản lý đất đai	Quản lý cơ sở dữ liệu không gian, thuộc tính về đất đai, nghiệp vụ về địa chính như: biên tập trích lục, tài liệu đo đạc, chỉnh lý biến động, sổ địa chính điện tử,...; liên thông với hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, hệ thống của Tổng cục Thuế.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở TT&TT	Năm 2023
4.2	Hệ thống thông tin quản lý khoáng sản	Quản lý về tài nguyên khoáng sản, giám sát quản lý trữ lượng khai thác được cấp phép.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở TT&TT	Quý II/2023
4.3	Hệ thống thông tin quản lý trường học	Xây dựng, hoàn thiện CSDL đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục; hoàn thiện CSDL lớn của ngành Giáo dục tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở TT&TT	Quý II/2023
4.4	Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh	Quản lý thông tin CBCCVC, quá trình công tác, trình độ chuyên môn, diễn biến lương, quan hệ thân nhân, quá trình đào tạo,...; đồng bộ dữ liệu với hệ thống CSDLQG về CCVC của Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở TT&TT	Quý II/2023
4.5	Hệ thống quản lý công việc	Theo dõi nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, quản lý từ cấp tỉnh tới cấp xã.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP	Quý II/2023
4.6	Hệ thống thông tin báo cáo	Hệ thống thông tin phục vụ công tác thông tin báo cáo theo quy định; thực	Văn phòng	Cục thống kê	Quý

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu/Lý do đề xuất	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện
		<p>hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, triển khai thực hiện việc đánh giá Chỉ số Cải cách hành chính (Par Index), báo cáo tổng kê về thanh niên Việt Nam; kết nối, liên thông hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ theo quy định.</p>	UBND tỉnh	<p>tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP</p>	II/2023
4.7	Hệ thống cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Bình Định	<p>Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Bình Định. Thực hiện theo quy định tại Điều 33, Điều 39 Nghị định số 118/2020/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.</p>	Sở Tư pháp	<p>Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP</p>	Theo tiến độ của Bộ Tư pháp
4.8	Hệ thống thông tin ngành Tài chính	<p>Xây dựng Phần mềm phân tích tài chính, tổng hợp chung trên 01 hệ thống nền tảng hợp nhất cho các phần mềm. Trước mắt, kết nối phần mềm quản lý ngân sách từ cấp tỉnh đến cấp huyện, sau đó sẽ mở rộng kết nối đến các phần mềm còn lại.</p>	Sở Tài chính	Sở TT&TT	Quý II, III/2023
4.9	Bệnh án điện tử tại các cơ sở	Triển khai bệnh án điện tử theo Thông	Sở Y tế	Sở TT&TT	Quý I,

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu/Lý do đề xuất	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện
	khám bệnh, chữa bệnh (EMR); Hồ sơ sức khỏe điện tử công dân (nâng cao); Hoạt động khám chữa bệnh từ xa.	tư số 46/2018/TT-BYT của Bộ Y tế.			II/2023
4.10	Hệ thống thông tin quản lý công tác đầu tư công của tỉnh	Quản lý chi tiết, toàn diện các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở TT&TT	Quý II, III/2023
4.11	Hệ thống bản đồ số dùng chung	Hệ thống bản đồ số tích hợp với Nền tảng địa chỉ số để chia sẻ các giải pháp phục vụ chuyển đổi số (Thực hiện theo kế hoạch 138/KH-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh)	Sở TN&MT	Sở Xây dựng; Sở TT&TT	Quý II/2023
4.12	Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai	Phục vụ việc thu thập số liệu, lên kế hoạch phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh, giúp lãnh đạo tỉnh chỉ đạo, điều hành công tác phòng chống thiên tai.	Sở NN và PTNT	Sở TT&TT	Quý I/2023
4.13	Hệ thống camera các điểm du lịch	Triển khai lắp đặt hệ thống camera tại các điểm du lịch nhằm phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ du khách; kết nối với trung tâm IOC của tỉnh.	Sở TT&TT	Sở Du lịch	Quý II/2023
4.14	Xây dựng hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	Đáp ứng theo Văn bản 1273/BTTTT-TTCS ngày 27/04/2021 V/v hướng dẫn về yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin nguồn trung ương và Hệ thống thông tin	Sở TT&TT	UBND các huyện, TX, TP	Quý I, II/2023

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu/Lý do đề xuất	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện
		nguồn cấp tỉnh (Phiên bản 1.0)			
4.15	Đầu tư hệ thống Đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông	Đáp ứng theo Thông tư số 39/2020/TTBTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	UBND các huyện, TX, TP	Sở TT&TT	Quý I, II/2023
4.16	Xây dựng Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	Đầu tư hệ thống trang thiết bị đa phương tiện phục vụ công tác họp chỉ đạo trực tuyến, triển khai Hệ thống thu thập các thông tin phục vụ công tác chỉ đạo điều hành UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP	Quý II/2023
4.17	Hệ thống phòng họp không giấy	Đổi mới phương thức làm việc trên cơ sở ứng dụng CNTT, hướng tới nền hành chính hiện đại, không giấy tờ, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP	Quý I, II/2023
4.18	Nền tảng địa chỉ số	Xây dựng Nền tảng địa chỉ số trên cơ sở kế thừa nền tảng địa chỉ bưu chính VPostcode hiện có; gắn biển địa chỉ số đến từng công trình, nhà cửa, địa điểm đã được tạo địa chỉ số; tích hợp với nền tảng bản đồ số quốc gia dựa trên cơ sở dữ liệu quốc gia địa chỉ số, có chức năng chỉ đường, dẫn đường đến được	Sở TT&TT	Bưu điện tỉnh	Quý I, II/2023

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu/Lý do đề xuất	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện
		từng địa chỉ số đã được tạo.			
4.19	Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tỉnh	Xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ lịch sử của tỉnh trên cơ sở tích hợp cơ sở dữ liệu lưu trữ số tại các cơ quan, tổ chức nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh	Sở Nội vụ	Sở TT&TT	Quý I, II/2023
4.20	Triển khai Cổng thông tin du lịch	Cung cấp các thông tin nơi ở, điểm đến tham quan, ẩm thực, mua sắm, giải trí.	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP	Quý I, II/2023
4.21	Kết nối, chia sẻ thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh từ Hệ thống thông tin Đăng ký doanh nghiệp Quốc gia	Hệ thống thông tin doanh nghiệp của tỉnh Bình Định, kết nối các cơ quan Thuế.	Sở TT&TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư ; Cục Thuế tỉnh; các Doanh nghiệp viễn thông	Quý I, II/2023
4.22	Số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Thực hiện triển khai công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh và tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 4023/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2023
4.23	Công đăng nhập đa ứng dụng	Tích hợp tài khoản truy cập các ứng dụng của CBCCVV trên một nền tảng	Sở TT&TT		Quý II/2023

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu/Lý do đề xuất	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện
		quản lý tập trung, thực hiện SSO, tạo thuận tiện, an toàn, bảo mật trong sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh nhằm giúp CBCCVC phải quản lý nhiều tài khoản trên các phần mềm khác nhau.			
4.24	Xây dựng hệ thống CSDL chuyên ngành	Xây dựng CSDL của các sở, ban, ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành	Quý II/2023
4.25	Xây dựng Kho dữ liệu số tỉnh Bình Định	Kho dữ liệu số tổng hợp, phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định của cấp có thẩm quyền. Đồng thời, cung cấp cho người dân, doanh nghiệp thông qua Cổng dữ liệu mở của tỉnh	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2023-2025
4.26	Nền tảng định danh và xác thực điện tử	Nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, để phục vụ định danh mọi người dân trên môi trường số, khi tham gia sử dụng các dịch vụ số.	Công an tỉnh	Sở TT&TT; Các DN viễn thông, CNTT	Theo tiến độ của Bộ Công an
4.27	Duy trì, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị Trung tâm THDL, Trung tâm IOC tỉnh	Đầu tư, bổ sung trang thiết bị, bản quyền phần mềm hệ thống cho TTHL tỉnh phục vụ các hệ thống dùng chung	Sở TT&TT		Năm 2023

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu/Lý do đề xuất	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện
		của tỉnh và trung tâm IOC, phục vụ triển khai kết nối CSDL dân cư (Đề án 06)			
4.28	Xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh	Theo Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 12/3/2020	Sở KH&CN	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương	Năm 2023-2025
4.29	Xây dựng CSDL, ứng dụng nền tảng của các cơ quan Đảng	Xây dựng Trục tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ quan đảng, dữ liệu nền tảng của hệ thống: Cơ sở dữ liệu người dùng, danh mục dùng chung trong hệ thống các cơ quan đảng, mã định danh các cơ quan, mã định danh cán bộ, công chức...	Văn phòng Tỉnh ủy		Năm 2023-2025
4.30	Cập nhật dữ liệu hệ thống thông tin quản lý số hóa tài liệu Kho lưu trữ lịch sử của Tỉnh ủy	Cập nhật dữ liệu số hoá tài liệu kho lưu trữ lịch sử của Tỉnh ủy.	Văn phòng Tỉnh ủy		Năm 2023-2025
5	Nhân lực số				
5.1	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng số trong cơ quan nhà nước.		Sở TT&TT, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP	Năm 2023
5.2	Tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp về kỹ năng số ứng dụng vào hoạt động sản	Sở TT&TT, Tỉnh đoàn	UBND các huyện, TX, TP	Năm 2023

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu/Lý do đề xuất	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện
		xuất, giao dịch trực tuyến.			
6	An toàn thông tin mạng				
6.1	Tổ chức diễn tập thực chiến về an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của tỉnh	Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng. Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng; tổ chức ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh.	Sở TT&TT		Năm 2023
6.2	Duy trì hệ thống SOC của tỉnh	Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống mã độc đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính quyền số và đô thị thông minh của tỉnh. Duy trì Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC - Security Operation Center)	Sở TT&TT		Năm 2023
6.3	Xây dựng triển khai hệ thống thu thập và giám sát an toàn thông tin	Tăng cường các biện pháp kỹ thuật, giám sát, kiểm soát an toàn, an ninh thông tin mạng; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các giải pháp và giám sát chặt chẽ mạng thông tin diện rộng của Đảng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin Trục tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ quan đảng,	Văn phòng Tỉnh ủy		Năm 2023 - 2024

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu/Lý do đề xuất	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện
		giữa Trục tích hợp, liên thông dữ liệu của các cơ quan đảng với Nền tảng tích hợp, chia sẻ quốc gia, Trục liên thông văn bản quốc gia và các trục tích hợp khác.			
7	Kinh tế số, xã hội số				
7.1	Phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Bình Định	Phát triển, xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người tiêu dùng tiếp cận và khai thác ứng dụng các nền tảng thương mại điện tử.	Sở Công Thương	Các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2023
7.2	Triển khai các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	Triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh.	Sở TT&TT	Sở KH&ĐT, Sở Công Thương	Năm 2023
7.3	Phát triển hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh	Thúc đẩy hoạt động thanh toán điện tử, tập trung trong ngành y tế, ngành giáo dục- đào tạo.	Chi nhánh NHNN tỉnh	Sở TT&TT	Năm 2023
7.4	Triển khai Chương trình khởi nghiệp sáng tạo thúc đẩy phát triển kinh tế số	Triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển giao công nghệ số, kích thích sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp phát triển công nghệ số, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số.	Sở KH&CN	Sở TT&TT	Năm 2023

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu/Lý do đề xuất	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện
7.5	Phổ cập điện thoại thông minh; phổ cập cáp quang băng rộng	Phổ cập điện thoại thông minh và cáp quang băng rộng toàn dân vì đây là điều kiện tiên quyết cho mọi hoạt động chuyển đổi số. Tối thiểu 85% hộ gia đình có cáp quang, phủ sóng băng rộng di động tới 100% thôn/bản, số thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt tối thiểu 85%.	Sở TT&TT	Các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2023
7.6	Triển khai các chương trình nâng cao kỹ năng số, năng lực số cho người dân	Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương. Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số, như: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Thanh toán không dùng tiền mặt; Mua bán, tiếp thị trên sàn thương mại điện tử Việt Nam; Sử dụng tài khoản định danh mức độ 2 trên ứng dụng VNEID; Sử dụng các nền tảng của đô thị thông minh; Biết áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.	Sở TT&TT; Tinh đoàn	Các doanh nghiệp viễn thông, CNTT	Năm 2023